



DANH SÁCH HỌC SINH K7 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	012	16	Vũ Ngọc Khánh	An	7/1	
2	021	16	Nguyễn Lam	Anh	7/1	
3	060	17	Lê Quỳnh Bảo	Chi	7/1	
4	063	17	Nguyễn Hữu	Chí	7/1	
5	080	18	Nguyễn Tổng Yên	Đan	7/1	
6	096	18	Lâm Thanh	Hà	7/1	
7	101	19	Phạm Thế	Hải	7/1	
8	110	19	Lê Du	Hiền	7/1	
9	117	19	Võ Minh	Hiếu	7/1	
10	127	19	Nguyễn	Huy	7/1	
11	132	20	Lê Gia	Hưng	7/1	
12	135	20	Phạm Gia	Hưng	7/1	
13	138	20	Nguyễn Bảo Duy	Khải	7/1	
14	159	20	Vũ Gia	Khang	7/1	
15	164	21	Nguyễn Lư Gia	Khánh	7/1	
16	182	21	Trần Minh	Khôi	7/1	
17	188	21	Phạm Nguyễn Khánh	Lam	7/1	
18	192	21	Nguyễn Hồng Phương	Linh	7/1	
19	200	22	Lê Hiền	Long	7/1	
20	207	22	Nguyễn Hồ Kim	Mi	7/1	
21	260	23	Nguyễn Lê Thanh	Ngọc	7/1	
22	263	25	Thịnh Trần Yến	Ngọc	7/1	
23	264	25	Võ Trần Bảo	Ngọc	7/1	
24	268	25	Lư Quốc Khôi	Nguyên	7/1	
25	275	25	Võ Đình	Nguyên	7/1	
26	286	25	Nguyễn Hồng Tổ	Như	7/1	
27	293	25	Bùi Quốc Thanh	Phong	7/1	
28	299	26	Trần	Phú	7/1	
29	311	26	Phan Thanh Hà	Phương	7/1	
30	362	28	Đoàn Chung Minh	Thư	7/1	
31	363	28	Ngô Quỳnh	Thư	7/1	
32	368	28	Tạ Khánh	Thy	7/1	
33	370	28	Trần Giao Mỹ	Trà	7/1	
34	387	28	Võ Lê Minh	Trí	7/1	
35	333	27	Nguyễn Gia	Tuệ	7/1	
36	402	BM	Phạm Phương	Uyên	7/1	
37	422	BM	Trịnh Cao Thiên	Ý	7/1	



DANH SÁCH HỌC SINH K7 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	017	16	Hoàng Diệu	Anh	7/2	
2	062	17	Mã Văn	Chi	7/2	
3	065	18	Diệp Khiết	Di	7/2	
4	076	18	Lê Tùng	Dương	7/2	
5	086	18	Dương Hải	Đức	7/2	
6	099	19	Trần Nguyễn Ngân	Hà	7/2	
7	113	19	Lê Ngọc	Hiếu	7/2	
8	118	19	Đinh Ngọc Bảo	Hoa	7/2	
9	128	19	Nguyễn Minh	Huy	7/2	
10	134	20	Nguyễn Trọng Quốc	Hưng	7/2	
11	143	20	Chu Nhật	Khang	7/2	
12	163	21	Nguyễn An	Khánh	7/2	
13	168	21	Phùng Văn	Khánh	7/2	
14	171	21	Trương Duy	Khánh	7/2	
15	176	21	Nguyễn Đăng	Khoa	7/2	
16	178	21	Vũ Nguyên	Khoa	7/2	
17	189	21	Nguyễn Hoàng Tuệ	Lâm	7/2	
18	206	22	Lê Ngô Gia	Mẫn	7/2	
19	230	23	Võ	Minh	7/2	
20	236	23	Nguyễn Phan Trà	My	7/2	
21	242	23	Đỗ Kim	Ngân	7/2	
22	246	23	Nguyễn Khánh	Ngân	7/2	
23	261	25	Nguyễn Phạm Bảo	Ngọc	7/2	
24	270	25	Nguyễn Khánh	Nguyên	7/2	
25	288	25	Trần Nguyễn Hải	Như	7/2	
26	298	26	Nguyễn Phúc Nguơng	Phú	7/2	
27	303	26	Nguyễn Lê Thiên	Phúc	7/2	
28	321	26	Nguyễn Tấn	Sang	7/2	
29	324	26	Nguyễn Phúc Hoàng	Sơn	7/2	
30	328	27	Lê Nguyễn Minh	Tiến	7/2	
31	375	28	Lý Hoàng Bảo	Trâm	7/2	
32	331	27	Huỳnh Công	Tuấn	7/2	
33	397	BM	Đoàn Tú	Uyên	7/2	
34	409	BM	Trần Hoàng	Vũ	7/2	
35	423	BM	Nguyễn Ngọc Gia	Yên	7/2	



DANH SÁCH HỌC SINH K7 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	008	16	Nguyễn Trần Khánh	An	7/3	
2	013	16	Châu Duy	Anh	7/3	
3	027	16	Nguyễn Quốc Minh	Anh	7/3	
4	030	16	Nguyễn Việt Hùng	Anh	7/3	
5	033	17	Trần Lê Trúc	Anh	7/3	
6	034	17	Trần Ngọc Quỳnh	Anh	7/3	
7	039	17	Lộ Hồng	Ấn	7/3	
8	057	17	Tô Quang	Châu	7/3	
9	048	17	Nguyễn Thế	Cường	7/3	
10	068	18	Dương Khả	Doanh	7/3	
11	085	18	Trần Lê Minh	Đăng	7/3	
12	089	18	Đào Hương	Giang	7/3	
13	106	19	Nguyễn Bảo	Hân	7/3	
14	116	19	Trịnh Minh	Hiếu	7/3	
15	119	19	Nguyễn Ngọc Khải	Hoàn	7/3	
16	125	19	Huỳnh Khải	Huy	7/3	
17	140	20	Phạm Như	Khải	7/3	
18	150	20	Nguyễn Thái Uyên	Khang	7/3	
19	161	20	Dương Mai	Khanh	7/3	
20	169	21	Phùng Vân	Khánh	7/3	
21	184	21	Hoàng Hữu Tường	Khuê	7/3	
22	209	22	Hồ Nguyễn Khang	Minh	7/3	
23	235	23	Nguyễn Hoàng	My	7/3	
24	240	23	Huỳnh Bảo	Nam	7/3	
25	245	23	Lê Ngọc Bảo	Ngân	7/3	
26	253	23	Nguyễn Hoàng Phương	Nghi	7/3	
27	262	25	Phan Gia Như	Ngọc	7/3	
28	267	25	Đỗ Phúc	Nguyên	7/3	
29	271	25	Nguyễn Phước	Nguyên	7/3	
30	273	25	Phan Trần Khôi	Nguyên	7/3	
31	281	25	Nguyễn Thực	Nhi	7/3	
32	291	25	Hoàng Gia	Phát	7/3	
33	300	26	Trần Triệu	Phú	7/3	
34	312	26	Trần Hà	Phương	7/3	
35	341	27	Nguyễn Thanh	Thảo	7/3	
36	350	27	Tô Vĩnh	Thiện	7/3	
37	354	27	Bùi Nguyễn Minh	Thông	7/3	
38	366	28	Phan Ngọc Anh	Thư	7/3	
39	372	28	Nguyễn Lê Minh	Trang	7/3	
40	384	28	Nguyễn Cao	Trí	7/3	
41	391	28	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	7/3	
42	396	BM	Dương Gia	Uy	7/3	
43	415	BM	Trần Gia	Vy	7/3	
44	420	BM	Phan Gia Như	Ý	7/3	



DANH SÁCH HỌC SINH K7 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	003	16	Nguyễn Hồng Bảo	An	7/4	
2	015	16	Đỗ Nguyễn Lan	Anh	7/4	
3	026	16	Nguyễn Quốc Khải	Anh	7/4	
4	029	16	Nguyễn Thụy Quỳnh	Anh	7/4	
5	036	17	Trương Minh	Anh	7/4	
6	041	17	Nguyễn Lê	Bách	7/4	
7	054	17	Nguyễn Hoàng Ngọc	Châu	7/4	
8	059	17	Võ Ngọc Bảo	Châu	7/4	
9	049	17	Trần Minh Phú	Cường	7/4	
10	073	18	Lê Nguyễn Minh	Duy	7/4	
11	075	18	Đặng Thùy	Dương	7/4	
12	077	18	Nguyễn Thanh Bảo	Dương	7/4	
13	078	18	Lâm Linh	Đan	7/4	
14	082	18	Trần Tổng Thanh	Đào	7/4	
15	090	18	Huỳnh Phúc Minh	Giang	7/4	
16	093	18	Nguyễn Vũ Long	Giang	7/4	
17	103	19	Đặng Bảo	Hân	7/4	
18	133	20	Nguyễn Minh	Hưng	7/4	
19	154	20	Trần Minh	Khang	7/4	
20	162	21	Ngô Gia	Khánh	7/4	
21	170	21	Trần Nguyên	Khánh	7/4	
22	179	21	Dương Hoàng Đăng	Khôi	7/4	
23	181	21	Hoàng Minh	Khôi	7/4	
24	187	21	Nguyễn Ngọc Bảo	Lam	7/4	
25	196	22	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	7/4	
26	198	22	Võ Ngọc Ánh	Linh	7/4	
27	218	22	Nguyễn Hoàng Phương	Minh	7/4	
28	219	22	Nguyễn Khải	Minh	7/4	
29	221	22	Nguyễn Quốc	Minh	7/4	
30	251	23	Đinh Hoàng Tuệ	Nghi	7/4	
31	257	23	Trần Lê Bảo	Nghi	7/4	
32	265	25	Bùi Nguyễn Khánh	Nguyên	7/4	
33	276	25	Nguyễn Trọng	Nhân	7/4	
34	282	25	Xa Phúc Thảo	Nhi	7/4	
35	284	25	Đoàn Minh Bảo	Như	7/4	
36	289	25	Võ Thị Tâm	Như	7/4	
37	315	26	Nguyễn Bảo Gia	Quân	7/4	
38	347	27	Hàng Hiếu	Thiên	7/4	
39	356	27	Huỳnh Trần Minh	Thông	7/4	
40	369	28	Trương Mai	Thy	7/4	
41	327	27	Nguyễn Thanh Lan	Tiên	7/4	
42	373	28	Phạm Phương	Trang	7/4	
43	389	28	Trần Hoàng	Trinh	7/4	
44	392	28	Nguyễn Trần Thanh	Trúc	7/4	
45	416	BM	Trần Ngọc Khánh	Vy	7/4	



DANH SÁCH HỌC SINH K7 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	005	16	Nguyễn Phương	An	7/5	
2	009	16	Nguyễn Trương Mỹ	An	7/5	
3	016	16	Đỗ Trịnh Thảo	Anh	7/5	
4	023	16	Nguyễn Ngọc Tú	Anh	7/5	
5	031	16	Phan Nguyễn Thụy	Anh	7/5	
6	037	17	Trương Mỹ	Anh	7/5	
7	046	17	Nguyễn Thái	Bình	7/5	
8	061	17	Lê Thùy	Chi	7/5	
9	067	18	Phạm Ngọc Xuân	Diệp	7/5	
10	069	18	Lê Ghi Thùy	Dung	7/5	
11	074	18	Đặng Ngọc Thùy	Dương	7/5	
12	081	18	Phan Trung	Đan	7/5	
13	083	18	Nguyễn Hải	Đăng	7/5	
14	087	18	Nguyễn Đăng Minh	Đức	7/5	
15	092	18	Nguyễn Trần Sao	Giang	7/5	
16	124	19	Hà Tấn	Huy	7/5	
17	129	20	Nguyễn Ngọc	Huy	7/5	
18	146	20	Nguyễn Gia	Khang	7/5	
19	175	21	Lê Trần Đăng	Khoa	7/5	
20	183	21	Trần Nhật	Khôi	7/5	
21	185	21	Phạm Ánh	Khuyên	7/5	
22	191	21	Đặng Khánh	Linh	7/5	
23	213	22	Huỳnh Tấn	Minh	7/5	
24	215	22	Lê Nhật	Minh	7/5	
25	216	22	Lê Phú	Minh	7/5	
26	224	22	Phạm Thu	Minh	7/5	
27	237	23	Đỗ Gia	Mỹ	7/5	
28	252	23	Nguyễn Hoàng Gia	Nghi	7/5	
29	266	25	Đào Phúc	Nguyên	7/5	
30	272	25	Phạm Thảo	Nguyên	7/5	
31	277	25	Phạm Minh	Nhật	7/5	
32	285	25	Hoàng Khánh	Như	7/5	
33	309	26	Huỳnh Trần Đan	Phương	7/5	
34	320	26	Nguyễn Võ Tú	Quỳnh	7/5	
35	322	26	Phạm Nguyễn Tấn	Sang	7/5	
36	349	27	Nguyễn Vũ	Thiện	7/5	
37	358	27	Bùi Phan Nhật	Thu	7/5	
38	360	28	Trần Thanh	Thủy	7/5	
39	326	26	Bùi Nguyễn Cát	Tiên	7/5	
40	383	28	Nguyễn Anh	Trí	7/5	
41	395	BM	Nguyễn Minh	Trường	7/5	
42	399	BM	Nguyễn Hồ Thục	Uyên	7/5	
43	411	BM	Mai Thanh	Vy	7/5	
44	417	BM	Bùi Thanh Như	Ý	7/5	
45	424	BM	Vũ Gia	Yên	7/5	



DANH SÁCH HỌC SINH K7 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	010	16	Trần Phương	An	7/6	
2	011	16	Võ Phúc	An	7/6	
3	014	16	Dương Ngọc	Anh	7/6	
4	020	16	Nguyễn Đức Trâm	Anh	7/6	
5	035	17	Trần Phạm Quỳnh	Anh	7/6	
6	042	17	Phạm Hoàng	Bách	7/6	
7	043	17	Huỳnh Gia	Bảo	7/6	
8	047	17	Phạm Hải	Bình	7/6	
9	050	17	Đỗ Minh	Châu	7/6	
10	064	17	Lê Cẩm	Chương	7/6	
11	079	18	Nguyễn Phúc Linh	Đan	7/6	
12	098	19	Thái Minh	Hà	7/6	
13	107	19	Nguyễn Châu Mai	Hân	7/6	
14	112	19	Huỳnh Hà Minh	Hiếu	7/6	
15	114	19	Nguyễn Minh	Hiếu	7/6	
16	131	20	Vũ Quang	Huy	7/6	
17	139	20	Nguyễn Chương Chấn	Khải	7/6	
18	147	20	Nguyễn Minh	Khang	7/6	
19	148	20	Nguyễn Phúc	Khang	7/6	
20	149	20	Nguyễn Tấn An	Khang	7/6	
21	157	20	Trần Vinh	Khang	7/6	
22	186	21	Nguyễn Ngọc Duy	Khương	7/6	
23	136	20	Nguyễn Trần Mỹ	Kiều	7/6	
24	195	22	Nguyễn Lê Mỹ	Linh	7/6	
25	205	22	Huỳnh Ngọc	Mẫn	7/6	
26	214	22	Lê Hoàng	Minh	7/6	
27	220	22	Nguyễn Quang	Minh	7/6	
28	226	22	Trần Bình	Minh	7/6	
29	243	23	Huỳnh Trần Phương	Ngân	7/6	
30	256	23	Nguyễn Trương Bảo	Nghi	7/6	
31	255	23	Nguyễn Tường	Nghi	7/6	
32	294	26	Dương Thành	Phong	7/6	
33	296	26	Mạch Triều	Phong	7/6	
34	297	26	Nguyễn Thành	Phong	7/6	
35	307	26	Trần Hồng	Phúc	7/6	
36	317	26	Nguyễn Cao Kiến	Quốc	7/6	
37	343	27	Lê Hải	Thăng	7/6	
38	355	27	Đỗ Hữu	Thông	7/6	
39	376	28	Phạm Thanh Bảo	Trâm	7/6	
40	379	28	Lê Ngọc Bảo	Trân	7/6	
41	381	28	Cao Nguyễn Minh	Trí	7/6	
42	385	28	Nguyễn Quách Minh	Trí	7/6	
43	337	27	Phan Ngọc Cát	Tường	7/6	
44	400	BM	Nguyễn Lâm Bảo	Uyên	7/6	
45	414	BM	Tiêu Gia	Vy	7/6	



DANH SÁCH HỌC SINH K7 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	004	16	Nguyễn Huy Phúc	An	7/7	
2	019	16	Lục Tuệ	Anh	7/7	
3	024	16	Nguyễn Ngọc Trâm	Anh	7/7	
4	032	16	Sâm Đức	Anh	7/7	
5	044	17	Lê Gia	Bảo	7/7	
6	053	17	Ngô Ngọc Minh	Châu	7/7	
7	072	18	Huỳnh Quốc	Dũng	7/7	
8	088	18	Phan Bản Gia	Đức	7/7	
9	100	19	Lê Thiên	Hải	7/7	
10	102	19	Từ Gia	Hào	7/7	
11	105	19	Hoàng Ngọc Gia	Hân	7/7	
12	108	19	Nguyễn Đỗ Gia	Hân	7/7	
13	123	19	Đoàn Văn	Huy	7/7	
14	130	20	Trần Lợi Bảo	Huy	7/7	
15	145	20	Ngô Gia	Khang	7/7	
16	166	21	Nguyễn Nam	Khánh	7/7	
17	193	21	Nguyễn Hương	Linh	7/7	
18	197	22	Phan Nguyễn Trúc	Linh	7/7	
19	199	22	Vương Trúc	Linh	7/7	
20	203	22	Phạm Vi Hoàng	Mai	7/7	
21	210	22	Hồ Quang	Minh	7/7	
22	211	22	Hồ Vũ Gia	Minh	7/7	
23	229	23	Trần Huy	Minh	7/7	
24	233	23	Lương Hà	My	7/7	
25	234	23	Nguyễn Ái	My	7/7	
26	238	23	Bùi Hoàng	Nam	7/7	
27	248	23	Nguyễn Ngọc Thanh	Ngân	7/7	
28	250	23	Ấu Nguyễn Gia	Nghi	7/7	
29	269	25	Ngô Hạnh	Nguyên	7/7	
30	278	25	Võ Minh	Nhật	7/7	
31	292	25	Nguyễn Hồng	Phát	7/7	
32	301	26	Lê Hồng	Phúc	7/7	
33	302	26	Nguyễn Hoàng	Phúc	7/7	
34	345	27	Võ Minh	Thắng	7/7	
35	351	27	Huỳnh Nhật	Thịnh	7/7	
36	352	27	Lê Quang	Thịnh	7/7	
37	361	28	Nguyễn An	Thuyền	7/7	
38	367	28	Trần Minh	Thư	7/7	
39	374	28	Lê Thị Ngọc	Trâm	7/7	
40	382	28	Huỳnh Hồ Khải	Trí	7/7	
41	332	27	Phan Quang	Tuấn	7/7	
42	335	27	Nguyễn Minh	Tuyết	7/7	
43	398	BM	Lê Bảo	Uyên	7/7	
44	412	BM	Nguyễn Thái Phương	Vy	7/7	
45	419	BM	Nguyễn Ngọc Như	Ý	7/7	



DANH SÁCH HỌC SINH K7 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	006	16	Nguyễn Thái	An	7/8	
2	018	16	La Trần Ngọc	Anh	7/8	
3	025	16	Nguyễn Phạm Quỳnh	Anh	7/8	
4	045	17	Phạm Gia	Bảo	7/8	
5	091	18	Ngô Trường	Giang	7/8	
6	094	18	Trần Nguyễn Lam	Giang	7/8	
7	104	19	Đặng Gia	Hân	7/8	
8	109	19	Nguyễn Tường Bảo	Hân	7/8	
9	111	19	Mai Thế	Hiền	7/8	
10	126	19	Mai	Huy	7/8	
11	142	20	Cao Trọng	Khang	7/8	
12	153	20	Tô Duy	Khang	7/8	
13	172	21	Vũ Tuấn Quốc	Khánh	7/8	
14	173	21	Xa Nhật Minh	Khánh	7/8	
15	194	21	Nguyễn Khánh	Linh	7/8	
16	204	22	Huỳnh Minh	Mẫn	7/8	
17	208	22	Hồ Lê	Minh	7/8	
18	222	22	Nguyễn Văn	Minh	7/8	
19	223	22	Nguyễn Viết Bảo	Minh	7/8	
20	228	23	Trần Hoàng	Minh	7/8	
21	231	23	Võ Ngọc Anh	Minh	7/8	
22	239	23	Hoàng Nguyễn Kỳ	Nam	7/8	
23	247	23	Nguyễn Lê Kiều	Ngân	7/8	
24	249	23	Nguyễn Trần Ngọc	Ngân	7/8	
25	254	23	Nguyễn Phương	Nghi	7/8	
26	259	23	Phạm Trung	Nghĩa	7/8	
27	274	25	Trần Khôi	Nguyên	7/8	
28	279	25	Nguyễn Huỳnh Thảo	Nhi	7/8	
29	280	25	Nguyễn Phương	Nhi	7/8	
30	308	26	Trần Ngọc Huy	Phúc	7/8	
31	313	26	Trần Minh	Phương	7/8	
32	325	26	Huỳnh Lê Bá	Tâm	7/8	
33	344	27	Đoàn Uy	Thắng	7/8	
34	346	27	Vũ Gia	Thắng	7/8	
35	353	27	Phạm Lê	Thịnh	7/8	
36	364	28	Phạm Anh	Thư	7/8	
37	329	27	Bùi Huỳnh Đức	Toàn	7/8	
38	378	28	Hoàng Ngọc Bảo	Trần	7/8	
39	336	27	Nguyễn Võ An	Tường	7/8	
40	401	BM	Nguyễn Lưu Nhật	Uyên	7/8	
41	406	BM	Trần Gia	Văn	7/8	
42	407	BM	Đặng Ngọc Tường	Vi	7/8	
43	408	BM	Lê Sơn	Vĩ	7/8	
44	421	BM	Trần Tăng Tâm	Ý	7/8	



DANH SÁCH HỌC SINH K7 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	001	16	Đặng Lê Mai	An	7/9	
2	007	16	Nguyễn Trần Kiến	An	7/9	
3	028	16	Nguyễn Quỳnh	Anh	7/9	
4	038	17	Trương Ngọc Quỳnh	Anh	7/9	
5	052	17	Ngô Ngọc Bảo	Châu	7/9	
6	058	17	Trương Ngọc Minh	Châu	7/9	
7	066	18	Nguyễn Ngọc Bảo	Di	7/9	
8	084	18	Phạm Vĩnh	Đặng	7/9	
9	115	19	Nguyễn Trung	Hiếu	7/9	
10	120	19	Nguyễn Trần Khải	Hoàng	7/9	
11	121	19	Bùi Nhật	Huy	7/9	
12	122	19	Dương Quang	Huy	7/9	
13	141	20	An Gia	Khang	7/9	
14	144	20	Đặng Trần Minh	Khang	7/9	
15	152	20	Phạm Triều	Khang	7/9	
16	155	20	Trần Minh	Khang	7/9	
17	167	21	Phạm Đỗ Gia	Khánh	7/9	
18	174	21	Đỗ Minh	Khoa	7/9	
19	180	21	Đào Thái	Khôi	7/9	
20	212	22	Huỳnh Phạm Anh	Minh	7/9	
21	217	22	Lê Quang	Minh	7/9	
22	227	22	Trần Gia	Minh	7/9	
23	241	23	Đào Kim	Ngân	7/9	
24	244	23	Lâm Ngọc Hải	Ngân	7/9	
25	258	23	Võ Ngọc Phương	Nghi	7/9	
26	287	25	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	7/9	
27	295	26	Lê Thanh	Phong	7/9	
28	304	26	Nguyễn Thiên	Phúc	7/9	
29	306	26	Trần Gia	Phúc	7/9	
30	310	26	Nguyễn Lê Anh	Phương	7/9	
31	316	26	Nguyễn Minh	Quân	7/9	
32	318	26	Trần Lý Đình Trí	Quốc	7/9	
33	338	27	Nguyễn Chí	Thanh	7/9	
34	339	27	Nguyễn Minh	Thanh	7/9	
35	340	27	Văn Khắc Trí	Thành	7/9	
36	342	27	Nguyễn Thanh	Thảo	7/9	
37	348	27	Nguyễn Đức	Thiện	7/9	
38	365	28	Phạm Lê Uyên	Thư	7/9	
39	380	28	Nguyễn Phạm Bảo	Trân	7/9	
40	388	28	Nguyễn Minh	Triết	7/9	
41	390	28	Nguyễn Lê Thanh	Trúc	7/9	
42	393	BM	Trần Bảo	Trúc	7/9	
43	394	BM	Huỳnh Hiếu	Trung	7/9	
44	413	BM	Phạm Ngọc Tường	Vy	7/9	
45	418	BM	Cao Hồ Như	Ý	7/9	
46	425	BM	Huỳnh Thị Kim	Yến	7/9	



DANH SÁCH HỌC SINH K7 - KTHK1/2023-2024

STT	SBD	Phòng	Họ	Tên	Lớp	Ghi chú
1	002	16	Lâm Phúc	An	7P	
2	022	16	Nguyễn Ngọc Châu	Anh	7P	
3	040	17	Nguyễn Hùng	Bách	7P	
4	051	17	Hoàng Bảo	Châu	7P	
5	055	17	Nguyễn Ngọc Thảo	Châu	7P	
6	056	17	Phạm Nguyễn Bảo	Châu	7P	
7	070	18	Nguyễn Lê Ngọc	Dung	7P	
8	071	18	Võ Trần Khả	Dung	7P	
9	095	18	Đỗ Trịnh Thu	Hà	7P	
10	097	19	Ngô Minh	Hà	7P	
11	137	20	Dương Thiên	Kha	7P	
12	151	20	Phạm Duy	Khang	7P	
13	156	20	Trần Phúc	Khang	7P	
14	158	20	Võ Hoàng	Khang	7P	
15	160	20	Vũ Hoàng Duy	Khang	7P	
16	165	21	Nguyễn Minh	Khánh	7P	
17	177	21	Phạm Công	Khoa	7P	
18	190	21	Nguyễn Trần Hải	Lâm	7P	
19	201	22	Nguyễn Phương Hoàng	Long	7P	
20	202	22	Huỳnh Anh Khôi	LuKas	7P	
21	225	22	Phan Duy	Minh	7P	
22	232	23	Võ Nguyễn Nguyệt	Minh	7P	
23	283	25	Phạm An	Nhiên	7P	
24	290	25	Châu Cẩm	Phát	7P	
25	305	26	Tsần Ngọc Thiên	Phúc	7P	
26	314	26	Châu Hoàng	Quân	7P	
27	319	26	Nguyễn Ngọc Diệp	Quỳnh	7P	
28	323	26	Hứa Bảo	Sâm	7P	
29	357	27	Nguyễn Huy	Thông	7P	
30	359	27	Nguyễn Thụy Kim	Thùy	7P	
31	371	28	Huỳnh Hà Phương	Trang	7P	
32	377	28	Trần Ngọc	Trâm	7P	
33	386	28	Phan Thành	Trí	7P	
34	330	27	Trần Anh	Tú	7P	
35	334	27	Vũ Minh	Tuệ	7P	
36	403	BM	Trần Mai Nhã	Uyên	7P	
37	404	BM	Trịnh Ngọc Nhã	Uyên	7P	
38	405	BM	Trịnh Phương	Uyên	7P	
39	410	BM	Bùi Hoàng Phương	Vy	7P	